

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3493/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8027/TTr-SXD-PC ngày 05 tháng 6 năm 2017 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5380/TTr-STP ngày 13 tháng 6 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 22 thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở, lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực hoạt động xây dựng, lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở, lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực hoạt động xây dựng, lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng, lĩnh vực giám định tư pháp xây dựng đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thành Phong**

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Nhà ở	
1	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (Dự án có quy mô sử dụng đất từ 10ha đến dưới 50 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn); Dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, số lượng nhà ở nhưng thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch).
2	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP: Dự án có quy mô sử dụng đất dưới 10ha.
3	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo hình thức chỉ định chủ đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ.
4	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.
5	Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
6	Thủ tục có ý kiến đối với danh sách dự kiến mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố.
II. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản	
1	Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.
2	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng.
3	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn hoặc gần hết hạn.
III. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng	
1	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B,C.

2	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B,C.
3	Thủ tục cấp/cấp lại (trường hợp chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng)/cấp chuyên đổi /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; kiểm định xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ hành nghề rách, nát/thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; kiểm định xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
5	Thủ tục cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: Tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức tư vấn quản lý dự án; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
IV. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng	
1	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
V. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng	
1	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng.
VI. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng	
1	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân.

B. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác (Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên; Cơ sở giáo dục, đào tạo)

Lĩnh vực Nhà ở	
1	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở có Quyết định bố trí, phân phối nhà ở (hoặc giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở) nhưng chưa có hợp đồng thuê nhà ở.
2	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ đối với trường hợp đang thực tế sử dụng nhà ở, là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (đã

	có hợp đồng thuê nhà ở, nhưng người đang sử dụng nhà ở không có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này).
3	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.
4	Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước.

C. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Nhà ở	
1	Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

I. Lĩnh vực Nhà ở

1. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP (Dự án có quy mô sử dụng đất từ 10ha đến dưới 50 ha và có số lượng nhà ở dưới 2.500 căn; Dự án không phân biệt quy mô diện tích đất, số lượng nhà ở nhưng thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong các đồ án quy hoạch))

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận, ghi rõ hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng.

+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến Hội đồng nhân dân Thành phố.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

- Bước 4: Nhà đầu tư căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận, đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

+ Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/2000 kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/2000 khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến Hội đồng nhân dân Thành phố;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường-xã nơi có khu đất dự án.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở hoặc văn bản thông báo nêu rõ lý do không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

2. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP: Dự án có quy mô sử dụng đất dưới 10ha

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ biên nhận, ghi rõ hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng.

+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

- Bước 4: Nhà đầu tư căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận, đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

+ Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/2000 kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/2000 khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường - xã nơi có khu đất dự

án.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở hoặc văn bản thông báo nêu rõ lý do không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

3. Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo hình thức chỉ định chủ đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi Sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận hồ sơ có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng tổ chức họp Tổ chuyên gia để xem xét, đánh giá năng lực của nhà đầu tư:

+ Nếu nhà đầu tư đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản kèm theo biên bản họp Tổ chuyên gia và hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư gửi Ủy ban nhân dân Thành phố để ban hành văn bản công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án;

+ Nếu nhà đầu tư không đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo để nhà đầu tư biết rõ lý do.

- Bước 4: Nhà đầu tư căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận, đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực hiện dự án;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn Điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

+ Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản, cụ thể: Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp (bản sao);

+ Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai (bản sao).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư xây dựng nhà ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Quy hoạch-Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, cơ quan nhà nước có liên quan và Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường-xã nơi có khu đất dự án.

g) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở hoặc văn bản thông báo nêu rõ lý do không chấp thuận chọn chủ đầu tư.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Có đủ điều kiện làm chủ đầu tư theo quy định tại Điều 21 của Luật Nhà ở:

+ Doanh nghiệp, Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

+ Có vốn pháp định theo quy định của pháp luật kinh doanh bất động sản và có vốn ký quỹ để thực hiện đối với từng dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Có chức năng kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

4. Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cán bộ thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ đề nghị cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị thuê nhà ở công vụ, Sở Xây dựng kiểm tra và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho thuê nhà ở công vụ.

+ Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ, cơ quan đang trực tiếp quản lý người thuê và người được thuê nhà ở công vụ (mỗi nơi 01 bản) để phối hợp trong việc quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

+ Căn cứ Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Xây dựng có văn bản (kèm theo danh sách người được bố trí thuê nhà ở) đề nghị đơn vị quản lý vận hành ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi Hợp đồng đã được hai bên ký kết cho Sở Xây dựng và cơ quan quản lý người thuê.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ**- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở;

+ Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Nhà ở năm 2014, các đối tượng sau đây nếu đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Nhà ở thì được thuê nhà ở công vụ:

- Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm a khoản này được điều động, luân chuyển đến công tác tại cơ quan Trung ương giữ chức vụ từ cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên; được điều động, luân chuyển đến công tác tại địa phương giữ chức vụ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương trở lên;

- Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm b khoản này được điều động, luân chuyển đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

- Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

- Bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

- Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ; đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về bố trí cho thuê nhà ở công vụ hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ (Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m²/người.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

PHỤ LỤC SỐ 01**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi:(*)

Tên tôi là:.....

Năm sinh Quê quán.....

CMND số cấp ngày/...../..... tại

Chỗ ở hiện nay:.....

Đang ở thuê ☐ Đang ở nhà khách ☐ Đang ở nhờ ☐

Hiện đang công tác tại:.....

Chức vụ:; phụ cấp chức vụ:.....

Điện thoại: Email.....

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là:người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số ngày/...../..... của về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan
quản lý người đề nghị thuê nhà
ở công vụ**
(về thực trạng nhà ở tại địa
phương nơi đến công tác)

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Ghi tên cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ quy định tại Điều 5 của Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

5. Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước nộp 02 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc 60 ngày trong trường hợp phải xét duyệt hồ sơ, tổ chức chấm điểm:

+ Sở Xây dựng tổng hợp, lập danh sách báo cáo Hội đồng xét duyệt cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội cấp Thành phố để thực hiện xét duyệt từng hồ sơ đăng ký, xác định đối tượng đủ điều kiện và chấm điểm xét chọn đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Sở Xây dựng có Tờ trình kèm theo danh sách và biên bản xét duyệt của Hội đồng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc chưa được xét duyệt, Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để trả lời cho người nộp đơn biết.

+ Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ban hành và gửi quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước cho Sở Xây dựng để ký hợp đồng thuê mua với người được thuê mua hoặc gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng thuê nhà với người được thuê nhà ở.

- Bước 4: Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận, đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập;

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ lưu tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và 01 bộ chuyển cho Sở Xây dựng (nếu đơn vị quản lý vận hành là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc 01 bộ chuyển cho đơn vị quản lý vận hành (nếu Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước thuộc một trong các đối tượng sau đây:

- Đối tượng thuộc trường hợp thuê nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước:

Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập.

- Đối tượng thuộc trường hợp thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước:

+ Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

+ Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

+ Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

+ Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật Nhà ở;

+ Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở

theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Đơn vị quản lý vận hành nhà (nếu có).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội (phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD);
- Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở (phụ lục số 13, 14, 15, 16 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD);
- Mẫu kê khai về thu nhập (phụ lục số 17, 18 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải đáp ứng các điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập theo quy định sau đây:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, học tập hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người trong hộ gia đình thấp hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ và từng khu vực;
- Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014 (Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập);
- Đối với đối tượng quy định tại các khoản 4 (Người thu nhập thấp, hộ nghèo,

cận nghèo tại khu vực đô thị), khoản 5 (Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp), khoản 6 (Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân) và khoản 7 (Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức) Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với đối tượng quy định tại các khoản 1 (Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng), khoản 8 (Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật này), khoản 9 (Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập) và khoản 10 (Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở) Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014 thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm này.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;
- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

PHỤ LỤC SỐ 09**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI
THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Hình thức đăng ký

Thuê ☐Thuê mua ☐

Kính gửi:

Họ và tên người viết đơn:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../ tại

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại:

Thuộc đối tượng:

Số thành viên trong hộ gia đình người, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4.

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ).

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân kèm theo đơn này).

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình ☐

- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐

- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) ☐

- Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. ☐

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ Điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐
- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ ☐

- Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung)

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức tại dự án:

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộm² (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựngm² (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết..... nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./

....., ngày tháng năm

.....
Người viết đơn
 (ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 13

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ,
THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG QUY
ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ
THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại:

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình ☐
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng khung tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) ☐
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gần với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ Điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐

- Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

....., Ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận

(Ký và ghi rõ họ tên).....

Xác nhận của UBND cấp xãvề:

1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:

3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 14

MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ THU NHẬP ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4, 5, 6, 7 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi:

Họ và tên người đề nghị:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nghề nghiệp

Nơi làm việc:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) nơi cấp

Số thành viên trong hộ gia đình người.

Thuộc đối tượng:

..... Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình ☐
- Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m² sàn/người ☐
- Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) ☐
- Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. ☐
- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất ☐
- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ Điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐

- Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung)

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

.....
Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã của người đề nghị

1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở

2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:.....

3. Là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 15

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG VỀ NHÀ Ở ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG
ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 8 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ
THUÊ, THUẾ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

Họ và tên người đề nghị xác nhận:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày...../...../.....tại

Nghề nghiệp:

Chức vụ:

Nơi làm việc:

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) nơi
cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đìnhngười.

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận
(ký và ghi rõ họ tên)

<p>1. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi đang làm việc/trước khi nghỉ hưu: Ông/Bà chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi đã trả lại nhà ở công vụ</p>	<p>2. Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhà ở công vụ của người đề nghị: Ông/Bà đã trả lại nhà ở công vụ</p>
(ký tên, đóng dấu)	(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 16

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP HUYỆN NƠI ĐỐI TƯỢNG CÓ NHÀ, ĐẤT BỊ THU HỒI QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 10 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi⁵¹:

Họ và tên người đề nghị được xác nhận⁵²:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày...../...../.....tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số..... tại:

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau⁵³:

- Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất ☐

- Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ Điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác. ☐

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ

chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị xác nhận

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 17

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC
QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 5, 6, 7 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP⁵⁴

Họ và tên người kê khai:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) nơi cấp

Số thành viên trong hộ gia đình người, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

2. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

3. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

4. Họ và tên: CMND số là:

Nghề nghiệp Tên cơ quan (đơn vị)

5.

Thuộc đối tượng:

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc

Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 18

MẪU GIẤY TỰ KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỐI VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 VÀ KHOẢN 5, 6, 7 ĐIỀU 49 LUẬT NHÀ Ở 2014 (TRƯỜNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC NGHỈ VIỆC, NGHỈ CHẾ ĐỘ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU GIẤY TỰ KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

Họ và tên người kê khai:

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày...../...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) nơi cấp.....

Số thành viên trong hộ gia đình người, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị).....

2. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị).....

3. Họ và tên: CMND số..... là:.....

Nghề nghiệp..... Tên cơ quan (đơn vị).....

4.

Thuộc đối tượng:

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(ký, ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục có ý kiến đối với danh sách dự kiến mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ đầu tư dự án gửi 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư biết.

- Bước 4: Chủ đầu tư liên hệ nhận kết quả tại Sở Xây dựng. Trường hợp Sở Xây dựng không có ý kiến phản hồi thì chủ đầu tư thông báo cho các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trong dự án của mình đến để thỏa thuận, thống nhất và ký hợp đồng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (trên cơ sở chấm điểm theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản có ý kiến của Sở Xây dựng về danh sách dự kiến mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng

nguồn vốn ngoài ngân sách.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Người đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách phải đảm bảo thuộc đối tượng và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 49 (Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội) và Điều 51 (Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội) Luật Nhà ở năm 2014. Cụ thể như sau:

Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (Điều 49 Luật Nhà ở)

Các đối tượng sau đây nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 51 của Luật Nhà ở năm 2014 thì được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:

1. Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;
2. Hộ gia đình nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn;
3. Hộ gia đình tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu;
4. Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;
5. Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;
7. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
8. Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật này;
9. Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập;
10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở

theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (Điều 51 Luật Nhà ở)

1. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 (Hỗ trợ giải quyết cho thuê, cho thuê mua, bán nhà ở xã hội cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014; đối với đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 49 của Luật này thì chỉ được thuê nhà ở xã hội) Điều 50 của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải đáp ứng các điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập theo quy định sau đây:

a) Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, học tập hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người trong hộ gia đình thấp hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ và từng khu vực;

b) Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều 49 (Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập) của Luật Nhà ở năm 2014;

c) Đối với đối tượng quy định tại các khoản 4 (Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị), khoản 5 (Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp), khoản 6 (Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân) và khoản 7 (Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức) Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với đối tượng quy định tại các khoản 1 (Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng), khoản 8 (Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật này), khoản 9 (Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập) và khoản 10 (Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà

ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở) Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014 thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm này.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 (Hỗ trợ theo các chương trình mục tiêu về nhà ở để đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 49 của Luật này xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở) và khoản 3 (Hỗ trợ giao đất ở có miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc tặng nhà ở cho đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 49 của Luật Nhà ở năm 2014) Điều 50 của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu về nhà ở tương ứng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 50 (Hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định để các đối tượng quy định tại các khoản 1, 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật này, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở) của Luật Nhà ở năm 2014 thì phải đáp ứng điều kiện về nhà ở, cư trú theo quy định sau đây:

- a) Có đất ở nhưng chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, đột nát;
- b) Có đăng ký thường trú tại địa phương nơi có đất ở, nhà ở cần phải xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;
- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;
- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

II. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản

1. Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu được cấp mới chứng chỉ môi giới bất động sản phải nộp Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ môi giới bất động sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút), thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3:

+ Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ tham gia kỳ thi do Sở Xây dựng tổ chức.

+ Chủ tịch Hội đồng thi báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng về quá trình tổ chức kỳ thi và phê duyệt kết quả thi theo đề nghị của đơn vị tổ chức kỳ thi.

+ Trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch hội đồng thi và kết quả thi do Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ.

+ Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ, đơn vị tổ chức kỳ thi sát hạch chuyển bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân đó về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (bản photo bài thi và hồ sơ của các cá nhân trong danh sách phê duyệt), Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ.

- Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

+ 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

+ Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

- **Số lượng hồ sơ:** 02 (hai) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân trong danh sách phê duyệt).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản và Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

h) Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đối với một chứng chỉ, cá nhân nộp trực tiếp tại Sở Xây dựng khi nhận chứng chỉ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản là: Người dự thi sát hạch đạt điểm thi và có đủ hồ sơ theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản;

- Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC 1**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

(Ảnh
4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm ...

ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi:

1. Họ và tên:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Nơi sinh:
 4. Quốc tịch:
 5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):
 6. Địa chỉ thường trú:
 7. Điện thoại liên hệ:
 8. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp; (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)

.....
Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người được cấp chứng chỉ môi giới bất động sản do chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút) và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ và cấp lại chứng chỉ (ghi rõ cấp lại vào chứng chỉ). Trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh (theo mẫu);
- + 02 ảnh cỡ 4x6 cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- + Chứng chỉ cũ (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất

động sản (Ghi rõ cấp lại) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh (Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản;

- Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

PHỤ LỤC 5

MẪU ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

(Ảnh
4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi:

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày: Nơi cấp:
4. Đăng ký thường trú tại:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đơn vị công tác:
7. Điện thoại:
8. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số ... ngày....tháng...năm...

Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị Cấp lại Chứng chỉ

.....

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);
- Chứng chỉ cũ (nếu có).

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày.... tháng....năm ...

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn hoặc gần hết hạn

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu được cấp lại khi hết hạn hoặc gần hết hạn chứng chỉ môi giới bất động sản phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ môi giới bất động sản tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút) và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ tham gia kỳ thi do Sở Xây dựng tổ chức:

- Trường hợp đăng ký dự thi lại tại Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ thì chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở để được cấp lại chứng chỉ, số chứng chỉ theo số cũ, chứng chỉ ghi rõ trên trang 01 là cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba;

- Trường hợp cá nhân ở địa phương khác đăng ký dự thi thì phải thực hiện thủ tục thi sát hạch như cấp chứng chỉ mới nhưng chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở.

+ Chủ tịch Hội đồng thi báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng về quá trình tổ chức kỳ thi và phê duyệt kết quả thi theo đề nghị của đơn vị tổ chức kỳ thi.

+ Trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch hội đồng thi và kết quả thi do Chủ tịch Hội đồng thi phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ.

+ Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ, đơn vị tổ chức kỳ thi sát hạch chuyển bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân đó về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân được phê duyệt danh sách), Sở Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ (ghi rõ cấp lần thứ hai, lần thứ ba...).

- Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

+ 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;

+ 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

+ Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

+ Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân được phê duyệt danh sách).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản ghi rõ cấp lại lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba.

h) Phí, lệ phí: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) đối với một chứng chỉ, cá nhân nộp trực tiếp tại Sở Xây dựng khi nhận chứng chỉ

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (Phụ lục 1 ban hành kèm

theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản là: Người dự thi sát hạch đạt điểm thi và có đủ hồ sơ theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

PHỤ LỤC 1**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng Quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; quy định việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản)

(Ảnh 4x6)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
	Ngày ... tháng ... năm ...	

**ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi:

1. Họ và tên:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Nơi sinh:
 4. Quốc tịch:
 5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):
 6. Địa chỉ thường trú:
 7. Điện thoại liên hệ:
 8. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp; (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên)

.....
 Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Người làm đơn
 (Ký và ghi rõ họ tên)

III. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng

1. Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

* Đối với nhà thầu nước ngoài là tổ chức

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định (theo mẫu);

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc

hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp;

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp;

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc các định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu (theo mẫu) và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam);

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.

Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.

+ Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (theo mẫu);

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc các định dạng khác (*.pdf) Quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

❖ Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phát sinh trong cùng một năm thì hồ sơ không phải nộp:

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp;

- Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc các định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu (theo mẫu) và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

- * Đối với nhà thầu nước ngoài là cá nhân

- + Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng (theo mẫu);

- + Bản sao văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp;

- + Bản sao giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân;

- + Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc các định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

Lưu ý: Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được làm bằng tiếng Việt. Bản sao Giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề tư vấn do nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phát sinh trong cùng năm thì hồ sơ không phải nộp bản sao giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2016/TT-BXD quy định thời gian 20 ngày làm việc, Sở đăng ký cắt giảm còn 14 ngày làm việc).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước

ngoài

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam hoặc văn bản thông báo lý do không giải quyết hồ sơ.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng:

+ Đối với nhà thầu là tổ chức: Phụ lục số 1 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

+ Đối với nhà thầu là cá nhân: Phụ lục số 4 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng).

- Giấy ủy quyền: Phụ lục số 3 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Bảng báo cáo các công việc/ Dự án đã thực hiện trong 03 năm gần nhất: Phụ lục số 2 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

i) Phí, lệ phí: Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động xây dựng: 2.000.000đ/giấy phép

k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp.

- Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.

- Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:

+ Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;

+ Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt

Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

- Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Công chứng năm 2006;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng)

Tôi: (Họ tên)

Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là: thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc thuộc Dự án..... tại....., trong thời gian từ..... đến.....

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)

..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail

.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Công ty

**BÁO CÁO
CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT**

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	Tên Dự án, địa điểm, quốc gia	Nội dung hợp đồng nhận thầu	Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)	Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ đến ...)
1	2	3	4	5	6

..., ngày.... tháng.... năm....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Tên đơn vị, tổ chức:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.... tháng.... năm....

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Thông báo trúng thầu (hoặc hợp đồng) số ... ngày... tháng ... năm giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) là..... với Công ty.....:

Tôi tên là:

Chức vụ:

Ủy quyền cho ông/bà

Chức vụ:

Số hộ chiếu: Quốc tịch nước:

Ông..... được ký các giấy tờ, thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động xây dựng gói thầu
.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính);
- Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/
Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, Đơn vị ...

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng
Ông Giám đốc Sở Xây dựng.....

Tôi: (Họ tên)

Nghề nghiệp:

Có hộ chiếu số:

(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là..... thông báo thắng thầu (hoặc chọn thầu) làm tư vấn công việc..... thuộc Dự án..... tại..... Trong thời gian từ

Đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng..... xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện các công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

Các tài liệu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính đơn

(Ký tên)

Họ và tên người ký

2. Thủ tục điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, Tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài chuẩn bị và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 đường Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng (theo mẫu);

+ Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam;
- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)
(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng.....)

Tôi: (Họ tên)

Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại:

Fax:

E.mail:

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số....., ngày..... để thực hiện gói thầu..... thuộc dự án..... Đề nghị Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:

Lý do đề nghị Điều chỉnh:

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng) xét Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

- 1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
- 2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung Điều chỉnh
- 3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị Điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại..... Fax..... E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng Điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

3. Thủ tục cấp/cấp lại (trường hợp chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; kiểm định xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu cấp/cấp lại (trường hợp chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi /điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút) và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận sát hạch thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ để hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

+ Thời gian tổ chức sát hạch được tiến hành định kỳ hàng quý hoặc đột xuất do Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề quyết định phù hợp với nhu cầu đề nghị cấp chứng chỉ. Trước thời gian tổ chức sát hạch 05 ngày, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề thông báo bằng văn bản và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng thông tin về thời gian, địa điểm tổ chức và mã số dự sát hạch của từng cá nhân.

Trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: Cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề được miễn sát hạch nội dung về kiến thức chuyên môn.

+ Trong thời gian tối đa 03 ngày kể từ khi tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình kết quả sát hạch của cá nhân đề Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề. Kết quả sát hạch của cá nhân được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch.

+ Trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ hành nghề tới Bộ

Xây dựng để phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ hành nghề đã cấp và đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân trên Trang thông tin điện tử.

+ Sở Xây dựng có trách nhiệm phát hành chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân đã được cấp Mã số chứng chỉ hành nghề.

- Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

*** Trường hợp cấp chứng chỉ hành nghề**

+ Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề (theo mẫu) kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng;

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các văn bằng, chứng chỉ về chuyên môn do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (theo mẫu) (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của các hợp đồng hoạt động xây dựng mà cá nhân đã tham gia thực hiện các công việc hoặc văn bản phân công công việc (giao nhiệm vụ) của cơ quan, tổ chức cho cá nhân liên quan đến nội dung kê khai (trừ trường hợp cấp lại do chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng);

*** Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề do hết hạn sử dụng**

+ Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề (theo mẫu) kèm theo 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng;

+ Chứng chỉ cũ.

*** Trường hợp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề**

+ Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu);

+ Chứng chỉ cũ (đối với trường hợp bổ sung nội dung hành nghề);

+ Có bản sao các văn bản, chứng chỉ và bản khai kinh nghiệm liên quan đến nội dung đề nghị bổ sung lĩnh vực hoạt động đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung hành nghề.

*** Trường hợp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng**

+ Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (theo mẫu);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của chứng chỉ hành nghề cũ còn thời hạn sử dụng;

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản khai kinh nghiệm về công tác chuyên môn trong hoạt động xây dựng (theo mẫu).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ

d) Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ khi tổ chức sát hạch, Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổng hợp, trình kết quả sát hạch của cá nhân đề Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ hành nghề.

- Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ hành nghề, Sở Xây dựng gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ hành nghề tới Bộ Xây dựng để phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ hành nghề, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý chứng chỉ hành nghề đã cấp và đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân trên Trang thông tin điện tử.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khi tham gia hoạt động xây dựng thuộc các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án (cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong tổ chức có địa chỉ trụ sở chính tại địa phương; cá nhân hoạt động xây dựng độc lập có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký cư trú tại Thành phố (ngoại trừ các cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài)) (theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 17/2016/TT-BXD và Khoản 5 Điều

44 Nghị định 59/2015/NĐ-CP).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III hoặc văn bản từ chối cấp chứng chỉ hành nghề.

h) Phí, lệ phí: Chi phí sát hạch theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/chứng chỉ.

- Mức thu lệ phí cấp lại, cấp bổ sung, điều chỉnh, chuyển đổi: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng/chứng chỉ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

- Mẫu đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục số 11 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

- Mẫu Bản khai kinh nghiệm có xác nhận về nơi làm việc của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

❖ Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khi đáp ứng được các điều kiện sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

+ Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 5 (năm) năm trở lên;

+ Hạng III: Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 3 (ba) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 5 (năm) năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên nghiệp.

- Đạt yêu cầu sát hạch về kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 17/2016/TT-BXD.

❖ Điều kiện riêng đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề về lĩnh vực

(1) Khảo sát xây dựng

- Khảo sát địa hình (Điểm a Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 17/2016/TT-BXD)

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất; trắc địa hoặc chuyên ngành xây dựng, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa hình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

- Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 2 (hai) dự án nhóm B hoặc 5 (năm) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp II hoặc 3 (ba) công trình cấp III cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành địa chất, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình ít nhất 3 (ba) dự án nhóm C hoặc ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 3 (ba) công trình cấp IV cùng loại.

(2) Thiết kế quy hoạch xây dựng

+ Hạng II: Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch hoặc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch và đáp ứng các điều kiện đã làm chủ trì thiết kế hoặc chủ trì thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 06 đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc 12 đồ án quy hoạch (trong đó, ít nhất có 03 đồ án quy hoạch chung xây dựng xã) thuộc

thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án quy định tại điểm này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Hạng III: Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch hoặc các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của đồ án quy hoạch và đáp ứng các điều kiện đã tham gia thiết kế hoặc tham gia thẩm định thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; 03 đồ án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện; các đồ án quy định tại điểm này đều đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Thiết kế, thẩm tra thiết kế công trình

- Thiết kế kiến trúc công trình

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành về kiến trúc, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Thiết kế kết cấu công trình

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 5 (năm) công trình cấp III và đã tham gia thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II trở lên cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế tham gia hoặc chủ trì thiết kế, thẩm định, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 3 (ba) công trình cấp III hoặc 5 (năm) công trình cấp

IV cùng loại với công trình ghi trong chứng chỉ hành nghề.

- Đối với cá nhân có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc chuyên ngành khác có liên quan đến thiết kế các hệ thống kỹ thuật công trình như điện - cơ điện công trình, cấp - thoát nước, thông gió - cấp thoát nhiệt, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng: nội dung được phép hành nghề phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, căn cứ theo thời gian và kinh nghiệm thực tế mà cá nhân đó đã tham gia thực hiện thiết kế.

(4) Giám sát thi công xây dựng

- Giám sát công tác xây dựng

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế đã làm giám sát trưởng hoặc đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế đã trực tiếp giám sát thi công phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình cấp III hoặc 02 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” và “lắp đặt thiết bị công nghệ”

Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành như điện, cơ khí, thông gió - cấp thoát nhiệt, cấp - thoát nước, điều hòa không khí, mạng thông tin - liên lạc, phòng chống cháy - nổ công trình xây dựng và các chuyên ngành phù hợp khác, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm tham gia giám sát các công việc thuộc các chuyên ngành này thì được xét cấp chứng chỉ hành nghề với nội dung giám sát “lắp đặt thiết bị công trình” hoặc “lắp đặt thiết bị công nghệ” hoặc cả hai nội dung này.

(5) Kiểm định xây dựng

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế đã làm chủ trì kiểm định hoặc chủ trì thiết kế ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành xây dựng công

trình, khi có đủ thời gian và kinh nghiệm thực tế đã tham gia kiểm định hoặc tham gia thiết kế ít nhất 02 công trình cấp III hoặc 03 công trình cấp IV cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(6) Định giá xây dựng

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc chủ trì lập tổng mức đầu tư của ít nhất 01 (một) dự án nhóm B hoặc 03 (ba) dự án nhóm C hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 1 (một) công trình cấp I hoặc 03 (ba) công trình cấp II hoặc 10 (mười) công trình cấp III;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ đào tạo thuộc chuyên ngành kinh tế hoặc kỹ thuật xây dựng và đã tham gia lập tổng mức đầu tư của ít nhất 1 (một) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc đã lập dự toán xây dựng của ít nhất 2 (hai) công trình cấp III hoặc 10 (mười) công trình cấp IV.

(7) Quản lý dự án

Cá nhân đảm nhận chức danh Giám đốc quản lý dự án phải có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án phù hợp với loại và quy mô dự án theo quy định tại Điều này.

+ Hạng II: Cá nhân có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án khi đã làm Giám đốc Quản lý dự án của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C cùng loại;

+ Hạng III: Cá nhân có trình độ chuyên môn thuộc chuyên ngành xây dựng phù hợp với yêu cầu của dự án được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý dự án khi đã trực tiếp tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm C cùng loại.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác:
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
 9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
- Đề nghị được cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:
- 9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề:⁽¹⁾ Hạng:
 - 9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề ☐
 Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:⁽²⁾
 - 9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề điều chỉnh/bổ sung:⁽¹⁾Hạng:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

Phụ lục số 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**Kính gửi:** (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: 2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: 7. Địa chỉ Email:
8. Đơn vị công tác:
9. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
10. Chứng chỉ hành nghề số: ngày cấp: nơi cấp:

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:..... (*)

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(*) Ghi rõ lĩnh vực hành nghề theo quy định Khoản 1 Điều 3 Thông tư này và Hạng đề nghị chuyển đổi.

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**BẢN KHAI KINH NGHIỆM CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

1. Họ và tên:
2. Trình độ chuyên môn:
3. Thời gian có kinh nghiệm nghề nghiệp (năm, tháng):
4. Đơn vị công tác:
5. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động, chức danh)	Ghi chú
1				
2				
...				

Tôi xin cam đoan nội dung bản khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm

**Xác nhận của Cơ quan, Tổ chức quản lý
trực tiếp hoặc Hội nghề nghiệp (*)****NGƯỜI KHAI**
(Ký và ghi rõ họ, tên)**Ghi chú:**

(*) Trường hợp cá nhân là Giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng thì phải có xác nhận về nơi làm việc của cơ sở bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động xây dựng. Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

4. Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ hành nghề rách, nát/thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; kiểm định xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Trường hợp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III bị rách, nát/thất lạc, cá nhân có nhu cầu cấp lại nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 16 giờ 30), thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận sát hạch thông báo một lần tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ để hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng quyết định cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III cho cá nhân (không yêu cầu sát hạch). Trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề (theo mẫu);

+ Chứng chỉ cũ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có chứng chỉ hành nghề bị rách, nát hoặc thất lạc khi tham gia hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo

sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng; Quản lý dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề được cấp lại hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí cấp lại 150.000 đồng/chứng chỉ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề;
- Không vi phạm các quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng và pháp luật có liên quan.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 17/2016/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ HÀNH
NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG****Kính gửi:** (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:
 2. Ngày, tháng, năm sinh:
 3. Quốc tịch:
 4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ngày cấp: nơi cấp
 5. Địa chỉ thường trú:
 6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
 7. Đơn vị công tác:
 8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
 9. Mã số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
- Đề nghị được cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng như sau:
- 9.1. Cấp chứng chỉ hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề:⁽¹⁾ Hạng:
 - 9.2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề ☐
 Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:⁽²⁾
 - 9.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hành nghề ☐
 Lĩnh vực hành nghề điều chỉnh/bổ sung:⁽¹⁾ Hạng:
- Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)**Ghi chú:**⁽¹⁾ Lĩnh vực hành nghề theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này.⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định Khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

5. Thủ tục cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: Tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức tư vấn quản lý dự án; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức có nhu cầu cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ năng lực tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3) từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút) và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực về yêu cầu bổ sung hồ sơ hoặc tổ chức phúc tra để xác minh hồ sơ nếu cần thiết

- Bước 3: Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ năng lực:

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực có trách nhiệm đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trình Sở Xây dựng quyết định cấp chứng chỉ.

+ Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định cấp chứng chỉ năng lực, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị cấp Mã số chứng chỉ năng lực tới Bộ Xây dựng.

+ Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Xây dựng có trách nhiệm phát hành Mã số chứng chỉ năng lực, đồng thời thực hiện việc tích hợp thông tin để quản lý, tra cứu chứng chỉ năng lực và công bố thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

- Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ**- Thành phần hồ sơ***** Trường hợp cấp chứng chỉ năng lực**

+ Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực (theo mẫu);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức; bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt, công nhân kỹ thuật (nếu có) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu đã thực hiện);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản kê khai năng lực tài chính trong thời gian 03 năm tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.

*** Trường hợp cấp lại chứng chỉ cũ bị rách, nát, bị hết hạn sử dụng**

+ Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực (theo mẫu);

+ Chứng chỉ cũ.

*** Trường hợp cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực**

+ Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực (theo mẫu);

+ Chứng chỉ cũ;

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập tổ chức; bản quy trình quản lý thực hiện công việc; hệ thống quản lý chất lượng tương ứng với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD kèm theo các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động của các cá nhân chủ chốt, công nhân kỹ thuật (nếu có) liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ năng lực; hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành đã thực hiện (mỗi lĩnh vực và loại không quá 03 hợp đồng, 03 biên bản nghiệm thu hoàn thành của công việc tiêu biểu đã thực hiện);

+ Tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính của Bản kê khai năng lực tài chính trong thời gian 03 năm tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ năng lực, máy móc, thiết bị, phần mềm máy tính có liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ của tổ chức.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thủ tục này không có quy định tổng thời gian thực hiện, do đó theo Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng là không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước có trụ sở chính tại địa bàn hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III hoặc văn bản từ chối cấp chứng chỉ năng lực của tổ chức.

h) Phí, lệ phí

- Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: 1.000.000 (một triệu) đồng/chứng chỉ.

- Mức thu lệ phí cấp lại, cấp bổ sung, điều chỉnh: 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/chứng chỉ.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

- Bản danh sách các cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức theo quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 17/2016/TT-BXD;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**➤ Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực**

- Có giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt phải có hợp đồng lao động với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng;

- Đối với các dự án, công trình có tính chất đặc thù như: Nhà máy điện hạt nhân, nhà máy sản xuất hóa chất độc hại, sản xuất vật liệu nổ, những cá nhân đảm nhận chức danh chủ chốt thì ngoài yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề tương ứng với loại công việc thực hiện còn phải được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực đặc thù của dự án.

➤ Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực**(1) Tổ chức khảo sát xây dựng****- Hạng II**

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng II phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 1 (một) dự án nhóm B; 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) dự án nhóm C hoặc 2 (hai) công trình cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng hạng III phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức khảo sát xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(2) Tổ chức lập quy hoạch xây dựng**- Hạng II**

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây

dựng hạng II; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

- + Có ít nhất 20 (hai mươi) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng;

- + Đã thực hiện lập ít nhất 1 (một) đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị loại II hoặc 2 (hai) đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

- Hạng III

- + Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng hạng III; những người chủ trì các bộ môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

- + Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn phù hợp với loại quy hoạch xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập quy hoạch xây dựng.

(3) Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

- Hạng II

- + Có ít nhất 10 (mười) người có chứng chỉ thiết kế hạng II phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

- + Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

- + Đã thực hiện thiết kế ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III

- + Có ít nhất 5 (năm) người có chứng chỉ thiết kế hạng III phù hợp với loại công trình đề nghị cấp chứng chỉ; những người chủ trì thiết kế lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

- + Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức thiết kế xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(4) Tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng

- Hạng II

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm B phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 20 (hai mươi) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng;

+ Đã thực hiện lập, thẩm tra ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III

+ Có ít nhất 3 (ba) người có đủ điều kiện năng lực làm chủ nhiệm lập dự án nhóm C phù hợp với loại dự án đề nghị cấp chứng chỉ;

+ Những người chủ trì lĩnh vực chuyên môn của dự án phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận;

+ Có tối thiểu 10 (mười) người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực lập dự án đầu tư xây dựng.

(5) Tổ chức tư vấn quản lý dự án

- Hạng II

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm B;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng II phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 15 (mười lăm) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện quản lý ít nhất 1 (một) dự án nhóm B hoặc 2 (hai) dự án nhóm C cùng loại.

- Hạng III

+ Có ít nhất 3 (ba) người đủ điều kiện năng lực làm giám đốc quản lý dự án nhóm C cùng loại;

+ Những người phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề hạng III phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức tư vấn, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(6) Tổ chức thi công xây dựng công trình

- Hạng II

+ Có ít nhất 2 (hai) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng II cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 3 (ba) năm;

+ Có ít nhất 10 (mười) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 20 (hai mươi) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện thầu chính thi công ít nhất 1 (một) công trình cấp II hoặc 2 (hai) công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III

+ Có ít nhất 1 (một) người đủ điều kiện năng lực làm chỉ huy trưởng công trường hạng III cùng loại công trình xây dựng;

+ Những người phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ nghề phù hợp với công việc đảm nhận;

+ Có ít nhất 5 (năm) người trong hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn lao động có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình;

+ Có ít nhất 5 (năm) công nhân kỹ thuật có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(7) Tổ chức giám sát thi công xây dựng

- Hạng II

+ Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng II phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có ít nhất 15 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã giám sát thi công xây dựng ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực

- Hạng III

+ Có ít nhất 05 người có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng hạng III phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có ít nhất 10 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(8) Tổ chức kiểm định xây dựng

- Hạng II

+ Có ít nhất 10 người có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng II phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 10 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức kiểm định xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Đã thực hiện kiểm định xây dựng ít nhất 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III cùng loại.

- Hạng III

+ Có ít nhất 05 người có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hạng III phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực;

+ Có ít nhất 05 người trong hệ thống quản lý chất lượng của tổ chức kiểm định xây dựng công trình có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(9) Tổ chức quản lý chi phí đầu tư xây dựng

- Hạng II

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng II;

+ Có ít nhất 10 (mười) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Hạng III

+ Có ít nhất 3 (ba) người có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng hạng III;

+ Có ít nhất 5 (năm) người có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 24/2016/TT-BXD ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

- Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI/ĐIỀU CHỈNH/BỔ SUNG NỘI DUNG CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Số điện thoại: Số fax:
4. Email: Website:
5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

Nơi cấp: Ngày cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh/bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng như sau:

8.1. Cấp chứng chỉ năng lực ☐

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:⁽¹⁾ Hạng năng lực:

8.2. Cấp lại chứng chỉ năng lực: ☐

Lý do:⁽²⁾

8.3. Điều chỉnh/Bổ sung nội dung hoạt động: ☐

Lĩnh vực hoạt động xây dựng điều chỉnh/bổ sung:.....⁽¹⁾... Hạng năng lực:

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ lĩnh vực hoạt động theo quy định Khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

⁽²⁾ Ghi rõ lý do theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

DANH SÁCH

Cá nhân chủ chốt, nhân viên, công nhân kỹ thuật có liên quan và kê khai kinh nghiệm hoạt động xây dựng của tổ chức

I. Thông tin về tổ chức:

Tên tổ chức:

Điện thoại:

Địa chỉ liên hệ:

Lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:Hạng:

II. Danh sách cá nhân chủ chốt và nhân viên, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức**1. Danh sách cá nhân chủ chốt^(*):**

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
...				

2. Danh sách nhân viên, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và Tên	Vị trí/Chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				

...				
-----	--	--	--	--

III. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình (Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1				
2				
...				

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Cá nhân chủ chốt phải có hợp đồng lao động với Tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực từ 12 tháng trở lên, giữ vai trò chủ nhiệm; chủ trì; giám sát trưởng; chỉ huy trưởng công trường. Mỗi cá nhân được tham gia hoạt động xây dựng với các Tổ chức khác nhau nhưng chỉ thực hiện vai trò chủ chốt tại một Tổ chức.

IV. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng

1. Thủ tục tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân công bố hợp quy.

Sau thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Sở Xây dựng có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Xây dựng ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và trả cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về lý do không giải quyết hồ sơ.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba)

+ Bản công bố hợp quy (theo mẫu 2. CBHC/HQ);

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh

doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

+ Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp kèm theo mẫu dấu hợp quy của tổ chức chứng nhận được chỉ định cấp cho tổ chức, cá nhân.

* Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh (bên thứ nhất), hồ sơ công bố hợp quy bao gồm:

+ Bản công bố hợp quy (theo mẫu 2. CBHC/HQ);

+ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác theo quy định của pháp luật);

+ Quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng, áp dụng (theo Mẫu 1. KHKSCS) và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý (Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy chưa được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001));

+ Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực (Trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy được tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý (ISO 9001));

+ Bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức thử nghiệm đã đăng ký;

+ Báo cáo đánh giá hợp quy (theo Mẫu 5. BCDG) kèm theo mẫu dấu hợp quy và các tài liệu có liên quan.

Lưu ý: Trong quá trình xem xét hồ sơ, nếu cần thiết sẽ xem xét, đối chiếu với bản gốc.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ (01 bộ nộp trực tiếp tại Sở Xây dựng và 01 bộ lưu giữ tại tổ chức, cá nhân) (theo Điều 9 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Điều

14 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu vật liệu xây dựng thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (theo Phụ lục đính kèm).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy hoặc văn bản thông báo lý do không giải quyết hồ sơ.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN)

- Kế hoạch kiểm soát chất lượng (Mẫu 1. KHKSC/L);

- Bản công bố hợp quy (Mẫu 2. CBHC/HQ);

- Báo cáo đánh giá hợp quy (Mẫu 5. CBHC/HQ).

i) Phí, lệ phí: 150.000 đồng/ hồ sơ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được tổ chức, cá nhân công bố hợp quy là sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Xây dựng ban hành.

- Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải được công bố hợp quy phù hợp với các quy định kỹ thuật nêu trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định hoặc thừa nhận.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 86/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 67/2009/NĐ-CP ngày 03/8/2009 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Nghị định số

132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

- Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, mã số QCVN 16:2014/BXD;

- Thông tư số 21/2010/TT-BXD ngày 16/11/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- Công văn số 192/BXD-KHCN ngày 03/7/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn giải quyết các vướng mắc khi kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng lưu thông trên thị trường và đăng ký công bố hợp quy tại cơ quan chuyên ngành;

- Công văn số 11189/BTC-CST ngày 22/8/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Thông tư số 231/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

PHỤ LỤC**Các loại vật liệu xây dựng thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2014/BXD**

Stt	Nhóm sản phẩm	Tên sản phẩm
1	Nhóm sản phẩm clanhke xi măng và xi măng	<ul style="list-style-type: none"> - Clanhke xi măng poóc lăng. - Xi măng poóc lăng. - Xi măng poóc lăng hỗn hợp. - Xi măng poóc lăng trắng. - Xi măng Alumin. - Xi măng giếng khoan chủng loại G. - Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt. - Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt. - Xi măng poóc lăng bền sun phát. - Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát. - Xi măng poóc lăng xi lò cao. - Xi măng xây trát.
2	Nhóm sản phẩm kính xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Kính kéo. - Kính nổi. - Kính cán vân hoa. - Kính màu hấp thụ nhiệt. - kính phủ phản quang. - Kính phẳng tối nhiệt. - Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp. - Kính cốt lưới thép. - Kính phủ bức xạ thấp.
3	Nhóm sản phẩm phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ gia khoáng cho xi măng. - Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng. - Phụ gia công nghệ cho xi măng. - Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume (SF) và tro trấu nghiền mịn (RHA). - Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn. - Phụ gia hóa học cho bê tông. - Phụ gia tro bay hoạt tính dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng.
4	Nhóm sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm và vật liệu xam khe	<ul style="list-style-type: none"> - Tẩm sóng amiăng xi măng. - Tẩm thạch cao. - Tẩm xi măng sợi. - Nhôm và hợp kim nhôm định hình. - Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất -

Stt	Nhóm sản phẩm	Tên sản phẩm
		Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U). - Ván MDF. - Ván dăm. - Ván sàn gỗ nhân tạo.
5	Nhóm sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm và vật liệu xam khe	- Sơn tường dạng nhũ tương. - Bột bả tường gốc xi măng poóc lăng. - Sơn epoxy. - Sơn alkyd. - Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính. - Băng chặn nước PVC. - Vật liệu chống thấm gốc xi măng- polymer. - Silicon xam khe cho kết cấu xây dựng.
6	Nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát	- Gạch gốm ốp lát ép bán khô. - Gạch gốm ốp lát đùn dẻo. - Gạch gốm ốp lát - Gạch ngoại thất Mosaic. - Gạch terrazzo. - Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ. - Đá ốp lát tự nhiên.
7	Nhóm sản phẩm sứ vệ sinh	- Xí bệt, tiểu nữ. - Chậu rửa. - Xí xôm.
8	Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa	- Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa. - Cốt liệu lớn (đá dăm, sỏi, sỏi dăm) cho bê tông. - Cát nghiền cho bê tông và vữa.
9	Nhóm sản phẩm cửa sổ, cửa đi	- Cửa sổ, cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC. - Cửa đi, cửa sổ - Cửa gỗ. - Cửa đi, cửa sổ - Cửa kim loại.
10	Nhóm sản phẩm vật liệu xây	- Gạch đặc đất sét nung. - Gạch rỗng đất sét nung. - Gạch bê tông. - Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chưng áp (AAC). - Bê tông nhẹ - Bê tông bọt, khí không chưng áp.

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm/hàng hóa/dịch vụ/quá trình/môi trường:

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu giám sát/kiểm soát	Tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày tháng năm

Đại diện tổ chức
 (ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2. CBHC/HQ
28/2012/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY
Số

Tên tổ chức, cá nhân:

.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:
.....

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...)

.....
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...):

.....
.....
.....

.....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày tháng năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(nếu có)
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

BÁO CÁO **ĐÁNH GIÁ HỢP QUY**

1. Ngày đánh giá:.....
2. Địa điểm đánh giá:
3. Tên sản phẩm:
4. Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:
5. Tên tổ chức thử nghiệm sản phẩm:
6. Đánh giá về kết quả thử nghiệm theo quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và hiệu lực việc áp dụng, thực hiện quy trình sản xuất:
-
-
-
-
-
7. Các nội dung khác (nếu có):.....
8. Kết luận:
- ☐ Sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.
- ☐ Sản phẩm không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật.

Người đánh giá
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của lãnh đạo tổ chức, cá nhân
(ký tên, chức vụ, đóng dấu)

V. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3). Thời gian nhận hồ sơ từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra, Sở Xây dựng ra văn bản về kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư.

Trong quá trình kiểm tra, Sở Xây dựng được quyền yêu cầu Chủ đầu tư và các bên có liên quan đến hoạt động xây dựng giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có) và thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình. Trong trường hợp Chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình theo yêu cầu của Sở Xây dựng thì thời gian nêu trên được tính kể từ khi Chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

- Bước 4: Chủ đầu tư căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận hồ sơ để nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- **Thành phần hồ sơ:** Văn bản đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trường hợp chủ đầu tư phải giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có) và thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư các công trình xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình cột ăng ten; tháp thu, phát sóng truyền thanh/ truyền hình; nhà để xe ô tô; nhà tang lễ; cơ sở hỏa táng được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, trừ công trình thuộc thẩm quyền của Hội đồng nghiệm thu nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản kết quả kiểm tra nghiệm thu của Chủ đầu tư.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

i) Lệ phí, phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

VI. Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng

1. Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng (địa chỉ: 60 Trương Định, Phường 7, Quận 3), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ Bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Giải quyết hồ sơ

Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng. Trường hợp từ chối: thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm công bố danh sách giám định viên tư pháp xây dựng trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố đồng thời gửi Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp để công bố chung.

- Bước 4: Cá nhân căn cứ ngày hẹn trên Biên nhận, đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

- + Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng (theo mẫu);
- + Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm;
- + Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp;

+ Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc;

+ Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân có nhu cầu là giám định viên tư pháp xây dựng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng hoặc văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

(1) Điều kiện chung đối với giám định viên tư pháp

Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau:

- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

(2) Điều kiện riêng đối với giám định viên tư pháp xây dựng

- Đối với giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng: Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý nhà nước về xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chất lượng hoặc nguyên nhân hư hỏng, thời hạn

sử dụng và các thông số kỹ thuật khác của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng:

- + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc: thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng, thi công xây dựng, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, kiểm định xây dựng phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

- + Có chứng chỉ hành nghề chủ trì khảo sát xây dựng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng khảo sát xây dựng hoặc thiết kế xây dựng công trình;

- + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình;

- + Có chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng hoặc thiết kế xây dựng hoặc giám sát thi công xây dựng theo quy định đối với trường hợp giám định chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và giám định sự cố công trình xây dựng.

- Đối với giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình:

- + Có kinh nghiệm thực hiện một trong các công việc quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng, kiểm định xây dựng hoặc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình phù hợp với nội dung giám định tư pháp xây dựng;

- + Có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Giám định tư pháp năm 2012;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22 tháng 4 năm 2014
của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỎ NHIỆM /CÔNG BỐ
GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG /
NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi:⁽¹⁾

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	<input type="checkbox"/>	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức
quản lý trực tiếp⁽²⁾

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ,
dấu pháp nhân)

Người đề nghị

(Ghi rõ họ tên, chữ ký)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

B. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN KHÁC (Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên; Cơ sở giáo dục, đào tạo)

I. Lĩnh vực Nhà ở

1. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ đối với trường hợp người đang sử dụng nhà ở có Quyết định bố trí, phân phối nhà ở (hoặc giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở) nhưng chưa có hợp đồng thuê nhà ở

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người đề nghị thuê nhà ở cũ nộp 02 bộ hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 Quận, Huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân, nơi trực tiếp quản lý vận hành căn nhà đó).

- Bước 2: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ có liên quan.

- Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

+ Đơn vị quản lý vận hành nhà ở lập danh sách, báo cáo và chuyển hồ sơ cho Sở Xây dựng.

+ Sở Xây dựng kiểm tra hồ sơ, lập Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ và toàn bộ hồ sơ liên quan, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì có văn bản thông báo nêu rõ lý do đồng thời gửi cho đơn vị quản lý vận hành để biết, theo dõi.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ, gửi cho Sở Xây dựng để triển khai, thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

+ Đơn vị quản lý vận hành nhà ở phát hành Giấy mời đối tượng được thuê nhà ở cũ để thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở.

- Bước 4: Người đề nghị thuê nhà ở cũ liên hệ đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký kết hợp đồng thuê nhà ở.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở (Công ty

TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 Quận, Huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (theo mẫu);
- + Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở (quyết định, văn bản phân phối, bố trí nhà ở; có quyết định, văn bản phân phối, bố trí nhà ở nhưng không có tên trong quyết định, văn bản này; có hợp đồng thuê nhà ở nhưng không có tên trong hợp đồng này);
- + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;
- + Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Sở Xây dựng.
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và ký hợp đồng: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố; Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích 22 quận, huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước hoặc văn bản của Sở Xây dựng đồng ý việc chuyển nhượng quyền thuê nhà; Hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:

- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27/11/1992.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

PHỤ LỤC SỐ 11

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi²⁴:

Họ và tên người đề nghị²⁵ là:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại:

Số thành viên trong hộ gia đình²⁶ người, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

2. Họ và tên: CMND số là:

3. Họ và tên: CMND số là:

4. Họ và tên: CMND số là:

5

.....

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ

số²⁷.....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau²⁸:

1.....

2.....

3.....

.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

Các thành viên trong hộ gia đình ký, ghi , ngày tháng năm
rõ họ tên

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ đối với trường hợp đang thực tế sử dụng nhà ở, là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013 (đã có hợp đồng thuê nhà ở, nhưng người đang sử dụng nhà ở không có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này)

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người đề nghị thuê nhà ở cũ nộp 02 bộ hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 Quận, Huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân, nơi trực tiếp quản lý vận hành căn nhà đó).

- Bước 2: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ có liên quan.

- Bước 3: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở đăng tin về việc chuyển quyền thuê nhà ở 03 lần liên tục trên báo Sài Gòn Giải phóng (chi phí đăng tin do người nhận chuyển quyền thuê nhà ở nộp) và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị quản lý vận hành nhà ở. Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký hợp đồng với người thuê nhà ở khi bên nhận chuyển quyền thuê nhà ở có chứng từ chứng minh hoặc có văn bản của Chi cục Thuế quận, huyện xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân (hoặc xác nhận được miễn nộp).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, đơn vị quản lý vận hành nhà ở có văn bản trả lời cho người nộp đơn biết rõ lý do, đồng thời gửi Sở Xây dựng để biết và theo dõi.

- Bước 4: Người đề nghị thuê nhà ở cũ liên hệ đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Sau khi ký hợp đồng với người thuê, đơn vị quản lý vận hành nhà ở báo cáo Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 Quận, Huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (theo mẫu);

+ Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở (quyết định, văn bản phân phối, bố trí nhà ở; có quyết định, văn bản phân phối, bố trí nhà ở nhưng không có tên trong quyết định, văn bản này; có hợp đồng thuê nhà ở nhưng không có tên trong hợp đồng này);

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (thời hạn giải quyết không bao gồm thời gian xác nhận nghĩa vụ tài chính, thời gian đăng tin, thời gian xác định lại diện tích sử dụng nhà ở hợp pháp và thiết lập bản vẽ hiện trạng nhà đất).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 Quận, Huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Ký hợp đồng với người thuê nhà ở hoặc văn bản trả lời nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện thuê nhà ở.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các

đối tượng sau:

- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27/11/1992.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

PHỤ LỤC SỐ 11

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi²⁴:Họ và tên người đề nghị²⁵ là:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại:

Số thành viên trong hộ gia đình²⁶ người, bao gồm:

1. Họ và tên: CMND số là:

2. Họ và tên: CMND số là:

3. Họ và tên: CMND số là:

4. Họ và tên: CMND số là:

5

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ
số²⁷

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau²⁸:

1

2

3

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

Các thành viên trong hộ gia đình ký, ghi
rõ họ tên

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

3. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người mua nhà ở phải nộp hồ sơ đề nghị mua nhà tại đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 quận, huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

- Bước 2: Đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và cấp biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho người nộp. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: hướng dẫn để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ:

+ Đơn vị vận hành nhà ở hoàn chỉnh hồ sơ mua nhà và lập danh sách chuyển Sở Xây dựng.

+ Sở Xây dựng kiểm tra và tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất đối với hồ sơ đủ điều kiện. Trên cơ sở giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất do Hội đồng xác định, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho đơn vị quản lý vận hành để hoàn trả hồ sơ và thông báo cho người nộp hồ sơ biết.

+ Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, ban hành Quyết định bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và gửi Quyết định này cho Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành, người mua nhà để thực hiện việc bán nhà ở. Quyết định bán nhà ở được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Xây dựng.

- Bước 4: Sau khi có Quyết định bán nhà ở, Sở Xây dựng thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở và hướng dẫn người mua nộp các nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Kho bạc Nhà nước Thành phố.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp cho đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích 22 quận, huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn;

+ Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.

• Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

• Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này.

+ Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).

- **Số lượng hồ sơ:** 01.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đang thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (trừ nhà ở do Bộ Quốc phòng quản lý).

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Cơ quan thực hiện thủ tục: Sở Xây dựng.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ: đơn vị quản lý vận hành nhà ở (Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà Thành phố; Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích 22 quận, huyện; Đội Quản lý nhà quận Tân Phú; Phòng Tài chính Kế hoạch quận Bình Tân).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước hoặc văn

bản thông báo nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước phải đáp ứng các điều kiện sau đây

+ Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;

+ Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở;

+ Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ.

- Nhà ở được bán phải không thuộc diện quy định tại Điều 62 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau (Điểm a Khoản 3 Điều 63 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP)

+ Nhà ở nằm trong khu vực quy hoạch xây dựng nhà ở công vụ, quy hoạch xây dựng công trình trọng điểm quốc gia hoặc công trình trọng điểm cấp tỉnh;

+ Nhà ở đã có quyết định thu hồi đất, thu hồi nhà của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng đang bố trí làm nhà ở và thuộc diện đang thực hiện xử lý, sắp xếp lại nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước;

+ Nhà ở gắn liền với di tích lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; nhà ở nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng làm nhà ở công vụ, công sở, trụ sở làm việc, trường học, bệnh viện, công viên, công trình phục vụ mục đích công cộng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Nhà chung cư bị hư hỏng, có nguy cơ sập đổ, không bảo đảm an toàn cho người sử dụng đã có kết luận kiểm định chất lượng của Sở Xây dựng nơi có nhà

chung cư; căn hộ chung cư không khép kín chưa được Nhà nước cải tạo lại, trừ trường hợp người thuê đã tự cải tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và việc sử dụng độc lập, tự nguyện, có sự đồng thuận thông qua cam kết bằng văn bản đề nghị được mua;

+ Nhà biệt thự nằm trong danh mục không thuộc diện được bán mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã báo cáo và đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trước ngày Nghị định 99/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

- Nhà ở phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện;

- Trường hợp nhà ở cũ thuộc diện phải xác lập sở hữu toàn dân theo Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc giải quyết đối với một số trường hợp cụ thể về nhà đất trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải hoàn tất thủ tục xác lập sở hữu toàn dân và thực hiện ký hợp đồng thuê nhà ở theo quy định trước khi thực hiện bán nhà ở này;

- Trường hợp bán nhà ở, nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng từ ngày 05 tháng 7 năm 1994 đến trước ngày 19 tháng 01 năm 2007.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014.

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy trình tiếp nhận, cho thuê, thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC SỐ 12

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CỬ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CỬ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

Kính gửi²⁹:

Họ và tên người đề nghị³⁰ là:

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số cấp ngày/...../..... tại

Nơi ở hiện tại:

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số tại:

Và vợ (chồng) là³¹: CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số cấp ngày/...../..... tại

Hộ khẩu thường trú tại:

Tôi làm đơn này đề nghị (ghi tên cơ quan quản lý nhà ở) giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ

- Hợp đồng thuê nhà ở số ký ngày/...../..... với diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng:m², trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhàm²; DT đấtm²

+ Diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà: DT nhàm²; DT đấtm² (nếu có)

Diện tích nhà, đất ngoài hợp đồng này tôi đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện, hiện nay đã xây dựng, cải tạo sử dụng với hiện trạng:³².....

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau³³:

1.....

2.....

3.....

Hộ gia đình tôi (bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên) thống nhất cử ông (bà)....., CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân) số cấp ngày/...../..... tại

là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà)..... số CMND..... là.....

Ông (bà)..... số CMND..... là.....

Ông (bà)..... số CMND..... là.....

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua)

**Các thành viên trong hộ gia đình có tên trong
hợp đồng thuê nhà
ký và ghi rõ họ tên³⁴**

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở kèm theo đơn đề nghị mua nhà ở cũ**Ví dụ 1: Trường hợp người mua nhà ở chỉ có diện tích theo hợp đồng thuê nhà ở**

Diện tích nhà ở theo hợp đồng

Xác nhận của Bên cho thuê nhà ở

(ký tên, đóng dấu)

Ví dụ 2: Trường hợp người mua nhà ở có cả diện tích theo hợp đồng thuê và có diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê

Sơ đồ	Sơ đồ
Diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê	Diện tích nhà ở nằm ngoài hợp đồng thuê

Xác nhận của Bên cho thuê đối với diện tích theo hợp đồng thuê**Chữ ký của các hộ liên kế đối với diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà ở****Xác nhận của UBND cấp xã**

.....

Diện tích nằm ngoài hợp đồng mà ông (bà) ..

 đang sử dụng tại địa chỉ số
 hiện nay là
 không có tranh chấp, khiếu kiện trong sử dụng
 nhà ở, đất ở, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà
 ở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TM. UBND

(ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Trong trường hợp người mua chỉ có diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở thì chỉ sử dụng bản vẽ sơ đồ nhà ở theo ví dụ 1 và chỉ cần có đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

- Trong trường hợp người mua có cả diện tích ngoài hợp đồng thuê nhà ở thì lập sơ đồ theo ví dụ 2, trong đó phải thể hiện rõ cả diện tích theo hợp đồng và diện tích ngoài hợp đồng. Bên cho thuê nhà ở đóng dấu xác nhận đối với diện tích theo hợp đồng; đối với diện tích ngoài hợp đồng thì có chữ ký xác nhận của các hộ liên kế và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có nhà ở về diện tích nằm ngoài hợp đồng là không có tranh chấp, khiếu kiện.

4. Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở nộp hồ sơ tại cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học hoặc tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên sau khi có xác nhận của cơ sở giáo dục, đào tạo.

Trường hợp nộp hồ sơ tại cơ sở giáo dục, đào tạo: Cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận đơn, kiểm tra, lập danh sách sinh viên và gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên xem xét, quyết định.

- Bước 2: Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên xem xét quyết định. Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thuê nhà ở hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên không có đủ nhà ở cho sinh viên thuê thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho sinh viên biết.

- Bước 3: Nhận kết quả tại cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học hoặc tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ sở giáo dục, đào tạo tại nơi sinh viên theo học.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

- + Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên;
- + Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên hoặc

vấn bản thông báo nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục, đào tạo.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

PHỤ LỤC SỐ 10**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN**Kính gửi²²:

Họ và tên người đăng ký:

Số thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân

số cấp ngày/...../..... tại

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:

Địa chỉ của cơ sở đào tạo:

Niên khóa học:

Tôi làm đơn này đề nghị²³:xét duyệt cho Tôi được thuê nhà ở tại

trong thời gian

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn

(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo của người đề nghị

(ký tên, đóng dấu)

C.THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN

Lĩnh vực Nhà ở

1. Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận, huyện

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cán bộ thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ đề nghị cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ đến Ủy ban nhân dân quận, huyện (Phòng có chức năng quản lý nhà công vụ).

- Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ, cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ kiểm tra và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét, quyết định cho thuê nhà ở công vụ.

- Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ, Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ cho Phòng có chức năng quản lý nhà công vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện để phối hợp trong việc quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

- Bước 4: Sau khi nhận Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện, Phòng có chức năng quản lý nhà công vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp đến Ủy ban nhân dân quận, huyện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ

+ Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở;

+ Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác nhận

của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cán bộ, công chức thuộc diện được ở nhà công vụ của Ủy ban nhân dân quận, huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận, huyện;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng có chức năng quản lý nhà công vụ quận, huyện của Ủy ban nhân dân quận, huyện;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện về bố trí cho thuê nhà ở công vụ hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m²/người.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ

Kính gửi:(*)

Tên tôi là:

Năm sinh Quê quán

CMND số cấp ngày/...../..... tại

Chỗ ở hiện nay:

Đang ở thuê ☐ Đang ở nhà khách ☐ Đang ở nhờ ☐

Hiện đang công tác tại:

Chức vụ:; phụ cấp chức vụ:

Điện thoại: Email:

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là: người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số ngày/...../..... của về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan
quản lý người đề nghị thuê nhà ở
công vụ**
(về thực trạng nhà ở tại địa
phương nơi đến công tác)

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(*) Ghi tên cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ quy định tại Điều 5 của Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.